ỌẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

18/TT-BKHĐT

Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2018

ĐẾN Số: 245
Ngày: 16/1/19
Chuyển: p.NV (kn)

THÔNG TƯ

Hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng ngành Kế hoạch và Đầu tư

Căn cứ Luật thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Nghị định số 86/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thi đua - Khen thưởng và Truyền thông;

Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng ngành Kế hoạch và Đầu tư,

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn về công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Kế hoạch và Đầu tư bao gồm: Nội dung thi đua, tổ chức phong trào thi đua, tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua; hình thức, đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng; thẩm quyền quyết định khen thưởng; hồ sơ thủ tục khen thưởng; quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng; quỹ thi đua, khen thưởng; quyền và nghĩa vụ của tập thể, cá nhân được khen thưởng; Hội đồng Thi đua - Khen thưởng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng thi đua

a) Thi đua thường xuyên bao gồm các tập thể, cá nhân thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

b) Thi đua theo chuyên đề, theo đợt bao gồm các tập thể, cá nhân quy định tại điểm a khoản 1 Điều này; các Sở Kế hoạch và Đầu tư (sau đây gọi tắt là Sở), Ban Quản lý các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế (sau đây gọi tắt là Ban), Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện; tập thể, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực kế hoạch đầu tư ở các cơ quan, đơn vị thuộc các Bộ, ban, ngành.

2. Đối tượng khen thưởng

a) Các đối tượng quy định tại khoản 1 của Điều này;

b) Tập thể, cá nhân trong và ngoài nước có nhiều đóng góp trong sự nghiệp xây dựng và phát triển ngành Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam.

Điều 3. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng

1. Nguyên tắc thi đua

a) Tự nguyện, tự giác, công khai;

b) Đoàn kết, hợp tác và cùng phát triển.

2. Nguyên tắc khen thưởng

a) Chính xác, công khai, công bằng, kịp thời;

b) Một hình thức khen thưởng có thể tặng nhiều lần cho một đối tượng; không tặng thưởng nhiều hình thức cho một thành tích đạt được;

c) Bảo đảm thống nhất giữa tính chất, hình thức và đối tượng khen thưởng;

d) Kết hợp chặt chẽ động viên tinh thần với khuyến khích bằng lợi ích vật chất;

đ) Hình thức.khen thưởng phải phù hợp với đối tượng, chức năng, nhiệm vụ được giao của tập thể, cá nhân và thành tích đạt được;

e) Khen thưởng phải căn cứ vào điều kiện, tiêu chuẩn và thành tích đạt được, không nhất thiết phải có hình thức khen thưởng mức thấp mới được khen thưởng mức cao hơn. Chú trọng khen thưởng tập thể nhỏ và cá nhân là người trực tiếp lao động, sản xuất, học tập, công tác hoặc chiến đấu, phục vụ chiến đấu;

g) Chỉ lấy kết quả khen thưởng về thành tích toàn diện để làm căn cứ xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng. Kết quả khen thưởng phong trào thi đua theo đợt được ghi nhận và ưu tiên khi xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng;

Khi có nhiều cá nhân, tập thể cùng đủ điều kiện, tiêu chuẩn thì lựa chọn cá nhân nữ hoặc tập thể có tỷ lệ nữ từ 70% trở lên để xét khen thưởng. Đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý là nữ thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng quá trình cống hiến được giảm 1/3 thời gian so với quy định chung; trường hợp quy định tuổi nghỉ hưu cao hơn thì thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng quá trình cống hiến được thực hiện theo quy định chung;

h) Thời gian trình khen thưởng lần tiếp theo được tính theo thời gian lập được thành tích ghi trong quyết định khen thưởng lần trước. Đối với quyết định khen

thưởng không ghi thời gian lập được thành tích thì thời gian trình khen thưởng lần sau được tính theo thời gian ban hành quyết định khen thưởng lần trước;

i) Trong 01 năm không đề nghị cấp trên xét, tặng 02 hình thức khen thưởng cấp Nhà nước cho một tập thể hoặc một cá nhân (trừ thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất; khen thưởng quá trình cống hiến; khen thưởng theo niên hạn). Không đề nghị tặng 02 loại Huân chương hoặc tặng Huân chương và Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho cùng một thành tích;

k) Việc bình xét khen thưởng chỉ được tiến hành khi đã có kết quả phân loại đánh giá cán bộ, công chức, viên chức của đơn vị.

Điều 4. Hình thức tổ chức thi đua

1. Thi đua thường xuyên là hình thức thi đua căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của tập thể, cá nhân để tổ chức phát động, nhằm thực hiện tốt công việc hằng ngày, hằng tháng, hằng quý, hằng năm của đơn vị.

Việc tổ chức phong trào thi đua thường xuyên phải xác định rõ mục đích, yêu cầu, mục tiêu, các chỉ tiêu cụ thể và được triển khai thực hiện tại đơn vị hoặc theo cụm, khối thi đua để phát động phong trào thi đua, ký kết giao ước thi đua. Kết thúc năm công tác, thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, trưởng các cụm, khối thi đua tiến hành tổng kết và bình xét các danh hiệu thi đua.

2. Thi đua theo đợt (hoặc chuyên đề) là hình thức thi đua nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ trọng tâm hoặc một lĩnh vực cần tập trung được xác định trong khoảng thời gian nhất định, để phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách của đơn vị. Chỉ phát động thi đua theo đợt khi đã xác định rõ mục đích, yêu cầu, chỉ tiêu, nội dung và giải pháp.

Thi đua theo đợt (chuyên đề) tổ chức trong phạm vi ngành Kế hoạch và Đầu tư, khi tiến hành sơ kết, tổng kết phong trào thi đua từ 03 năm trở lên, đơn vị lựa chọn tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc khen thưởng hoặc đề nghị khen thưởng "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ"; phong trào thi đua từ 05 năm trở lên, đề nghị khen thưởng "Huân chương Lao động hạng ba".

Điều 5. Các loại hình khen thưởng

1. Khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được là hình thức khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc hoặc hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Mức độ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đối với tập thể, cá nhân do cấp trình khen thưởng căn cứ theo quy định xem xét, đánh giá, công nhận.

2. Khen thưởng theo đợt (hoặc chuyên đề) là khen thưởng cho tập thể, cá nhân đạt được thành tích xuất sắc sau khi kết thúc đợt thi đua do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng các đơn vị phát động.

3. Khen thưởng đột xuất là khen thưởng cho tập thể, cá nhân lập được thành tích đột xuất. (Thành tích đột xuất là thành tích đạt được ngoài chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ mà tập thể, cá nhân phải đảm nhiệm).

Thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất là thành tích đột xuất đạt được ở mức độ đặc biệt xuất sắc khi dũng cảm cứu người, cứu tài sản của nhân dân, của Nhà nước hoặc lập được thành tích đặc biệt xuất sắc trong các lĩnh vực được khu vực hoặc thế giới ghi nhận.

4. Khen thưởng quá trình cống hiến là khen thưởng cho cá nhân có quá trình tham gia hoạt động trong các giai đoạn cách mạng, giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, có công lao, thành tích xuất sắc, đóng góp vào sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc.

5. Khen thưởng đối ngoại là khen thưởng cho tập thể, cá nhân người nước ngoài có thành tích đóng góp vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam ở một trong các lĩnh vực: Chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, an ninh, quốc phòng, ngoại giao hoặc lĩnh vực khác.

Chương II
TỔ CHỨC PHONG TRÀO THI ĐUA
DANH HIỆU VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 6. Tổ chức, hoạt động khối thi đua

1. Khối thi đua trong Ngành được tổ chức như sau:

a) Các đơn vị thuộc Bộ gồm 08 khối (phụ lục số 03);

b) Các Sở gồm 07 khối (phụ lục số 04);

c) Các Ban gồm 07 khối (phụ lục số 05);

d) Các đơn vị thuộc Tổng cục Thống kê gồm 04 khối (phụ lục số 06);

đ) Các Cục Thống kê gồm 10 khối (phụ lục số 07).

2. Hoạt động của khối thi đua

a) Hằng năm, tổ chức ký giao ước thi đua; xây dựng các tiêu chí thi đua cụ thể; bầu khối trưởng, khối phó; bình chọn, suy tôn các đơn vị tiêu biểu đề nghị khen thưởng;

b) Khối trưởng khối thi đua căn cứ nội dung phong trào thi đua do Bộ phát động, chủ trì, phối hợp với Khối phó khối thi đua và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Khối thi đua xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động của khối, phát động, tổ chức thực hiện phong trào thi đua thường xuyên, thi đua theo chuyên đề, theo

đợt, sơ kết, tổng kết phong trào thi đua; trao đổi kinh nghiệm, tuyên truyền, phổ biến các mô hình mới, các điển hình tiên tiến trong khối theo quy định tại Quy chế hoạt động của Khối thi đua;

c) Khi tổ chức các phong trào thi đua theo đợt (chuyên đề), các Khối thi đua, các đơn vị trong Ngành xây dựng kế hoạch, báo cáo Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ.

Điều 7. Nội dung tổ chức phong trào thi đua

1. Xác định rõ mục tiêu, phạm vi, đối tượng thi đua; trên cơ sở đó đề ra các chỉ tiêu và nội dung thi đua cụ thể. Việc xác định nội dung và chỉ tiêu thi đua phải khoa học, phù hợp với thực tế của cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương và có tính khả thi.

2. Căn cứ đặc điểm, tính chất công tác, lao động, nghề nghiệp, phạm vi và đối tượng tham gia thi đua để đề ra nội dung, hình thức tổ chức phát động thi đua cho phù hợp. Coi trọng việc tuyên truyền về nội dung và ý nghĩa của đợt thi đua, phát huy tinh thần trách nhiệm, ý thức tự giác của quần chúng.

3. Triển khai các biện pháp tổ chức vận động quần chúng tham gia phong trào thi đua và theo dõi quá trình tổ chức thực hiện. Tổ chức chỉ đạo điểm để đánh giá kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế và đề ra các biện pháp khắc phục để chỉ đạo, thực hiện có hiệu quả trong thời gian tiếp theo.

4. Tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả phong trào thi đua và lựa chọn tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, tiêu biểu để khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền để biểu dương, tôn vinh các gương điển hình tiên tiến đã lập thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua.

Điều 8. Danh hiệu thi đua

1. Đối với cá nhân gồm:

a) Chiến sĩ thi đua toàn quốc;

b) Chiến sĩ thi đua cấp bộ;

c) Chiến sĩ thi đua cơ sở;

d) Lao động tiên tiến.

2. Đối với tập thể gồm:

a) Cờ thi đua của Chính phủ;

b) Cờ thi đua cấp bộ;

c) Tập thể lao động xuất sắc;

d) Tập thể lao động tiên tiến.

3. Tặng, thưởng các danh hiệu thi đua:

a) Các tập thể, cá nhân thuộc Bộ được tặng các danh hiệu thi đua quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này;

b) Các Sở, Ban được tặng danh hiệu "Cờ thi đua cấp bộ" và được bình xét theo khối thi đua.

Điều 9. Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc"

1. Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc" được xét tặng cho cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc nhất được lựa chọn trong số những cá nhân có 02 lần liên tục đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp bộ.

2. Sáng kiến hoặc đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc" phải được áp dụng thực tiễn đạt hiệu quả cao và có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc, đã được Hội đồng sáng kiến Bộ công nhận.

Điều 10. Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cấp bộ"

Được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong số những cá nhân có 03 lần liên tục đạt danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở";

2. Có sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ, cấp tỉnh đã được công nhận, áp dụng thực tiễn đạt hiệu quả cao và có phạm vi ảnh hưởng trong Bộ, trong Ngành.

Điều 11. Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở"

1. Được xét tặng hằng năm cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Đạt danh hiệu "Lao động tiên tiến";

b) Có sáng kiến để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác được cơ sở công nhận hoặc có đề tài nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu được áp dụng tại cơ quan, đơn vị, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được đơn vị công nhận.

2. Tỷ lệ cá nhân được công nhận danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" căn cứ vào tình hình thực tiễn quy định cho phù hợp, nhưng không quá 15% tổng số cá nhân đạt danh hiệu "Lao động tiên tiến".

Điều 12. Danh hiệu "Lao động tiên tiến"

1. Được xét tặng hằng năm cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đạt năng suất và chất lượng cao;

b) Chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; có tinh thần tự lực, tự cường, đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia phong trào thi đua;

c) Tích cực học tập chính trị, văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ;

d) Có đạo đức và lối sống lành mạnh.

2. Đối với cá nhân chuyển công tác, đơn vị mới có trách nhiệm xem xét, bình bầu danh hiệu "Lao động tiên tiến". Trường hợp có thời gian công tác ở đơn vị cũ từ 6 tháng trở lên phải có ý kiến nhận xét của đơn vị cũ. Trường hợp cá nhân được điều động, biệt phái đến cơ quan, tổ chức, đơn vị khác trong một thời gian nhất định

thì việc xem xét, bình bầu danh hiệu "Lao động tiên tiến" do cơ quan, tổ chức, đơn vị điều động, biệt phái xem xét quyết định và được cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận cá nhân được điều động, biệt phái xác nhận.

3. Thời gian nghỉ thai sản theo quy định được tính để bình xét danh hiệu "Lao động tiên tiến".

4. Cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn trong nước hoặc nước ngoài dưới 01 năm, chấp hành tốt các quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì thời gian học tập được tính vào thời gian công tác tại đơn vị để bình xét danh hiệu "Lao động tiên tiến". Trường hợp cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng trong nước hoặc nước ngoài từ 01 năm trở lên, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, có báo cáo của cá nhân và kết quả học tập để làm căn cứ xét tặng danh hiệu "Lao động tiên tiến".

5. Không xét tặng danh hiệu "Lao động tiên tiến" đối với trường hợp mới tuyển dụng dưới 10 tháng hoặc bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên.

Điều 13. Danh hiệu "Cờ thi đua của Chính phủ"

1. Được xét tặng cho tập thể đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Là tập thể tiêu biểu xuất sắc dẫn đầu trong số các tập thể đạt tiêu chuẩn Cờ thi đua cấp bộ; hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm; có nhân tố mới, mô hình mới tiêu biểu cho cả nước học tập.

b) Các tập thể tiêu biểu nhất trong phong trào thi đua theo chuyên đề do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ phát động được đánh giá, bình xét, suy tôn khi sơ kết, tổng kết từ 05 năm trở lên.

2. Số lượng tập thể đề nghị xét tặng "Cờ thi đua Chính phủ" không quá 20% tổng số tập thể đạt tiêu chuẩn tặng "Cờ thi đua cấp bộ".

Điều 14. Danh hiệu "Cờ thi đua cấp bộ"

1. Được xét tặng hằng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm;

b) Là tập thể tiêu biểu xuất sắc trong phong trào thi đua của ngành Kế hoạch và Đầu tư;

c) Có nhân tố mới, mô hình mới để các tập thể khác trong Bộ, ngành Kế hoạch và Đầu tư học tập.

2. Việc công nhận là tập thể tiêu biểu xuất sắc nhất để tặng Cờ thi đua cấp bộ phải được thông qua bình xét, đánh giá, so sánh theo các khối thi đua do Bộ tổ chức.

3. Số lượng bình xét

a) Đối với khen thưởng thường xuyên hằng năm, số lượng cờ bộ của Khối các đơn vị thuộc Bộ, các Sở, các Ban; Vùng/Nhóm của Thống kê được quy định như sau:

Khối các đơn vị thuộc Bộ mỗi Khối bình xét 01 cờ;

Khối Sở/Ban có từ 10 đơn vị trở xuống bình xét 01 cờ; có trên 10 đơn vị bình xét 02 cờ;

Vùng/Nhóm (Thống kê) có từ 10 đơn vị trở xuống bình xét 01 cờ; có trên 10 đơn vị bình xét 02 cờ.

Căn cứ kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác hằng năm, Bộ trưởng xem xét, quyết định số lượng cờ cụ thể trên cơ sở đề nghị của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ.

b) Đối với khen thưởng chuyên đề

Căn cứ kế hoạch, nội dung phong trào thi đua, thời gian thi đua và thành tích thi đua thực tế, Bộ trưởng sẽ xem xét, quyết định số lượng cụ thể trên cơ sở đề nghị của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ.

Điều 15. Danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc"

Được xét tặng hằng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Sáng tạo, vượt khó hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước.

2. Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả.

3. Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu "Lao động tiên tiến".

4. Có cá nhân đạt danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

5. Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Tổ chức Đảng, đoàn thể được công nhận trong sạch vững mạnh;

Điều 16. Danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến"

1. Được xét tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ và kế hoạch được giao;

b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, có hiệu quả;

c) Có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu "Lao động tiên tiến" và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

d) Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2. Đối với các cơ quan, đơn vị mới thành lập phải có thời gian hoạt động từ 12 tháng trở lên mới được bình xét "Tập thể lao động tiên tiến".

Chương III

HÌNH THỨC VÀ TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 17. Các hình thức khen thưởng

1. Hình thức khen thưởng cấp Nhà nước gồm:

a) Huân chương;

b) Huy chương;

c) Danh hiệu vinh dự Nhà nước;

d) Giải thưởng Hồ Chí Minh;

đ) Giải thưởng Nhà nước;

e) Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

2. Hình thức khen thưởng của Bộ Kế hoạch và Đầu tư gồm:

a) Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

b) Kỷ niệm chương.

3. Hình thức khen thưởng của Thủ trưởng đơn vị được phân cấp: Giấy khen

4. Tiêu chuẩn xét tặng các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước thực hiện theo quy định tại các Điều 14, 15, 16, 17, 18, 22, 23, 24, 32, 33, 36, 38, 41, 42 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

Điều 18. Tiêu chuẩn Bằng khen của Bộ trưởng

1. Bằng khen của Bộ trưởng để tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua của ngành Kế hoạch và Đầu tư;

b) Lập được nhiều thành tích có phạm vi ảnh hưởng ở một trong các lĩnh vực thuộc ngành Kế hoạch và Đầu tư;

c) Có 02 năm trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở;

d) Có đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và phát triển ngành Kế hoạch và Đầu tư; đối với cá nhân trước khi nghỉ hưu luôn hoàn thành nhiệm vụ, có thể được xem xét, đề nghị khen thưởng;

đ) Có thành tích xuất sắc góp phần xây dựng và phát triển đơn vị nhân dịp kỷ niệm (năm tròn và năm lẻ 5) ngày thành lập Ngành, đơn vị thuộc ngành Kế hoạch và Đầu tư;

e) Các trường hợp khác do Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, quyết định.

2. Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc, được bình xét trong phong trào thi đua;

b) Lập được thành tích xuất sắc đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực thuộc ngành Kế hoạch và Đầu tư;

c) Có 02 năm trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;

d) Có thành tích xuất sắc góp phần xây dựng và phát triển đơn vị nhân dịp kỷ niệm (năm tròn và năm lẻ 5) ngày thành lập Ngành, đơn vị thuộc ngành Kế hoạch và Đầu tư;

3. Số lượng Bằng khen của Bộ trưởng

a) Các đơn vị thuộc Bộ do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ xem xét, quyết định theo tiêu chuẩn quy định.

b) Các Sở/Ban theo tiêu chuẩn chung về Bằng khen Bộ trưởng, số lượng khen hằng năm không vượt quá 3 tập thể và 5 cá nhân đủ tiêu chuẩn của một Sở/Ban.

c) Khối thi đua:

Khối có dưới 06 đơn vị được bình xét 01 bằng khen;

Khối có từ 06 đến 09 đơn vị được bình xét 02 bằng khen;

Khối có từ 10 đơn vị trở lên được bình xét 03 bằng khen.

d) Đối với khen thưởng chuyên đề

Căn cứ kế hoạch, nội dung phong trào thi đua, thời gian thi đua và thành tích thi đua thực tế, Bộ trưởng sẽ xem xét, quyết định số lượng cụ thể trên cơ sở đề nghị của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ.

Điều 19. Tiêu chuẩn Giấy khen

Giấy khen của Thủ trưởng đơn vị được phân cấp thực hiện theo quy định tại các Điều 74, 75 và Điều 76 Luật thi đua, khen thưởng.

Điều 20. Kỷ niệm chương

1. Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp ngành Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam" (sau đây gọi là Kỷ niệm chương) là hình thức khen thưởng của Bộ trưởng để tặng cho cá nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ, có thời gian công tác tại Bộ, Ngành hoặc có đóng góp vào quá trình phát triển của Bộ, ngành Kế hoạch và Đầu tư.

2. Kỷ niệm chương chỉ xét tặng một lần cho mỗi cá nhân.

Điều 21. Tiêu chuẩn xét tặng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp ngành Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam"

1. Đối với cá nhân trong ngành Kế hoạch và Đầu tư:

a) Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc Sở, Trưởng Ban quản lý có 02 nhiệm kỳ công tác.

b) Cá nhân đã hoặc đang công tác tại các đơn vị thuộc ngành Kế hoạch và Đầu tư có thời gian công tác trong Ngành tối thiểu 20 năm đối với nam, 15 năm đối với nữ; Cá nhân công tác ở ngành khác chuyển vào ngành Kế hoạch và Đầu tư phải có thời gian công tác từ 20 năm trở lên, trong đó thời gian công tác trong Ngành từ đủ 10 năm.

Thời gian cá nhân trong Ngành được cử đi nghĩa vụ quân sự, đi tham tán, đi học tập trung hạn, dài hạn, đi biệt phái sau đó lại được điều động về công tác trong ngành Kế hoạch và Đầu tư thì được tính là thời gian công tác liên tục trong ngành Kế hoạch và Đầu tư; cá nhân bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên thì thời gian bị kỷ luật không được tính vào thâm niên xét tặng;

c) Các trường hợp không tính thâm niên công tác khi xét tặng:

Cá nhân đạt danh hiệu Anh hùng Lao động; Huân chương các loại; Chiến sĩ thi đua toàn quốc; cá nhân đạt danh hiệu vinh dự nhà nước công tác trong ngành Kế hoạch và Đầu tư; cá nhân đã được tặng 2 Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; cá nhân là Lãnh đạo Bộ.

2. Đối với cá nhân ngoài ngành Kế hoạch và Đầu tư (công dân Việt Nam và người nước ngoài):

a) Có công lao trong việc lãnh đạo, chỉ đạo góp phần vào sự nghiệp xây dựng và phát triển ngành Kế hoạch và Đầu tư;

b) Có sáng kiến hoặc công trình nghiên cứu khoa học có giá trị thiết thực cho hoạt động ngành Kế hoạch và Đầu tư;

c) Có công lao trong việc xây dựng và củng cố quan hệ hợp tác giữa các nước, các tổ chức quốc tế với ngành Kế hoạch và Đầu tư;

d) Có sự ủng hộ về tinh thần và vật chất cho sự phát triển của ngành Kế hoạch và Đầu tư.

3. Trường hợp đặc biệt khác do Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, quyết định.

Điều 22. Quy trình xét tặng Kỷ niệm chương

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp tiến hành xét chọn những cá nhân đủ tiêu chuẩn. Căn cứ kết quả họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cùng cấp, Thủ trưởng đơn vị lập hồ sơ, danh sách trích ngang các cá nhân được xét tặng Kỷ niệm chương trình Bộ trưởng xem xét, tặng Kỷ niệm chương.

2. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc Sở, Trưởng Ban căn cứ kết quả họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cùng cấp, có trách nhiệm lập hồ sơ, danh

sách các cá nhân đủ tiêu chuẩn xét tặng Kỷ niệm chương trình Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quyết định.

Điều 23. Các trường hợp chưa xem xét khen thưởng

1. Tập thể, cá nhân đang trong thời gian cơ quan có thẩm quyền xem xét thi hành kỷ luật hoặc đang điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn thư khiếu nại, tố cáo đang được xác minh làm rõ.

Người bị kỷ luật nhưng chưa hết thời hiệu kỷ luật; người bị kết án nhưng chưa được xóa án tích.

2. Ngoài các quy định trên, cá nhân không được tặng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp ngành Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam" trong các trường hợp sau:

a) Cá nhân đã được tặng một trong các Kỷ niệm chương sau: Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp ngành Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam", Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp Thống kê Việt Nam";

b) Người tự ý bỏ việc khỏi đơn vị.

Chương IV
CÁC QUY ĐỊNH VỀ BÌNH XÉT, THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH, TRAO TẶNG, HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ

Điều 24. Phương pháp bình xét và điều kiện công nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Phương pháp bình xét

a) Đối với các đơn vị không phân cấp tổ chức họp, bình xét tại đơn vị và trình Bộ trưởng xem xét, quyết định.

b) Đối với các đơn vị phân cấp tổ chức họp, bình xét tại đơn vị, sau đó thủ trưởng đơn vị xem xét, quyết định khen thưởng thuộc thẩm quyền và trình Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, quyết định khen thưởng thuộc thẩm quyền cấp Bộ và cấp Nhà nước.

c) Đối với lãnh đạo Bộ, sinh hoạt Đảng tại đơn vị nào do đơn vị đó đề xuất khen thưởng.

d) Đối với thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ xem xét, trình Bộ trưởng quyết định.

đ) Đối với các Sở, Ban Quản lý, khối thi đua tổ chức họp, bình xét và trình Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, quyết định.

e) Đối với danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng yêu cầu phải có sáng kiến, chỉ tiến hành bình xét khi cá nhân đã có quyết định công nhận sáng kiến. Sáng

kiến được công nhận trong giai đoạn nào dùng làm căn cứ xét khen thưởng cho giai đoạn đó.

2. Điều kiện công nhận

a) Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cấp bộ", "Chiến sĩ thi đua toàn quốc"phải được Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ xét, bỏ phiếu kín và có tỷ lệ phiếu bầu từ 90% trở lên, tính trên tổng số thành viên của Hội đồng có mặt.

b) Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" được bỏ phiếu kín và có tỷ lệ phiếu bầu từ 70% trở lên, tính trên tổng số người đủ điều kiện bình bầu.

c) Việc họp xét khen thưởng được tiến hành khi có ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tham dự.

Điều 25. Thẩm quyền quyết định khen thưởng

1. Thẩm quyền quyết định tặng thưởng các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước thực hiện theo quy định tại các Điều 77, 78 Luật thi đua, khen thưởng.

2. Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quyết định tặng thưởng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng sau:

a) Cờ thi đua cấp bộ;

b) Tập thể lao động xuất sắc;

c) Tập thể lao động tiên tiến;

d) Chiến sĩ thi đua cấp bộ;

đ) Chiến sĩ thi đua cơ sở;

e) Lao động tiên tiến;

g) Bằng khen của Bộ trưởng;

h) Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp ngành Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam";

i) Ủy quyền cho Thủ trưởng các đơn vị được phân cấp quyết định tặng danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc", "Tập thể lao động tiên tiến" cho các đơn vị trực thuộc;

3. Thủ trưởng các đơn vị được phân cấp quyết định tặng thưởng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng sau cho các tập thể và cá nhân thuộc quyền quản lý:

a) Tập thể lao động xuất sắc;

b) Tập thể lao động tiên tiến;

c) Chiến sĩ thi đua cơ sở;

d) Lao động tiên tiến;

đ) Giấy khen.

Điều 26. Tổ chức trao thưởng

1. Người có thẩm quyền quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng nào thì trực tiếp trao tặng hoặc ủy quyền trao tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đó theo quy định về nghi thức trao tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

2. Nghi thức tổ chức trao tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước: Huân chương, Huy chương, Danh hiệu vinh dự nhà nước, "Giải thưởng Hồ Chí Minh", "Giải thưởng Nhà nước", "Cờ thi đua của Chính phủ" và "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ" được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về tổ chức ngày kỷ niệm; nghi thức trao tặng, đón nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua, nghi lễ đối ngoại và đón, tiếp khách nước ngoài.

3. Việc tổ chức trao tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng là dịp để biểu dương, tôn vinh gương người tốt, việc tốt và những điển hình tiên tiến, phải đảm bảo trang trọng, thiết thực, tránh phô trương, hình thức, lãng phí; khi tổ chức cần kết hợp vào dịp Hội nghị tổng kết công tác của Ngành, của cơ quan, đơn vị hoặc lồng ghép với các nội dung khác để tiết kiệm thời gian và chi phí.

4. Vụ Thi đua - Khen thưởng và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu, đề xuất với Bộ trưởng về việc tổ chức trao tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước và các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng.

Điều 27. Tuyến trình khen thưởng

1. Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét trình Thủ tướng Chính phủ đề nghị Chủ tịch nước quyết định tặng thưởng các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước cho tập thể và cá nhân thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định. Đăng tải công khai danh sách các tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng Huân chương, danh hiệu vinh dự Nhà nước trên Cổng thông tin điện tử Bộ Kế hoạch và Đầu tư và xử lý thông tin trước khi trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng.

2. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ hoàn thiện hồ sơ gửi Vụ Thi đua - Khen thưởng và Truyền thông thẩm định, trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư xét, đề nghị Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng, đề nghị Bộ trưởng trình cấp có thẩm quyền xét, tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đối với cá nhân, tập thể thuộc cơ quan, đơn vị mình hoặc trình Bộ trưởng tặng Bằng khen cho đối tượng thuộc lĩnh vực được giao quản lý, theo dõi.

3. Cục Đầu tư nước ngoài là đầu mối trình Bộ trưởng xem xét, quyết định khen thưởng cho các cá nhân thuộc Bộ đang công tác theo nhiệm kỳ tại cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài.

4. Giám đốc Sở trình Bộ trưởng xem xét, quyết định tặng "Bằng khen của Bộ trưởng" cho phòng, ban, cấp tương đương và cá nhân thuộc đơn vị quản lý;phòng Kế hoạch - Tài chính cấp huyện.

5. Trưởng Ban trình Bộ trưởng xem xét, quyết định tặng "Bằng khen của Bộ trưởng" cho phòng, ban, cấp tương đương và cá nhân thuộc đơn vị quản lý.

6. Trưởng khối thi đua các khối trong toàn Ngành trình Bộ trưởng xem xét, quyết định tặng danh hiệu "Cờ thi đua cấp bộ" và "Bằng khen của Bộ trưởng" cho các thành viên trong khối;

7. Khen ngoài Ngành và khen đối ngoại do các đơn vị trong Ngành có liên quan lập hồ sơ trình Bộ trưởng xem xét, quyết định.

8. Hằng năm, Vụ Thi đua - Khen thưởng và Truyền thông phối hợp với Văn phòng Bộ lập hồ sơ đối với các đồng chí Lãnh đạo Bộ trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ xét khen thưởng theo quy định.

Điều 28. Hồ sơ đề nghị khen thưởng

1. Hồ sơ đề nghị xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước gồm:

a) Tờ trình;

b) Biên bản họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở;

c) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng theo đúng mẫu được quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. Ngoài bộ hồ sơ gửi theo đường công văn được quy định tại khoản 1 Điều này, đề nghị cơ quan, đơn vị đồng thời gửi kèm file điện tử của hồ sơ trình (ở định dạng.doc đối với các tờ trình, danh sách, báo cáo thành tích của các tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng, ở định dạng.pdf đối với các hồ sơ khác có liên quan) đến hộp thư điện tử của Vụ Thi đua - Khen thưởng và Truyền thông (tdkt@mpi.gov.vn).

3. Hồ sơ đề nghị xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng gồm:

a) Tờ trình kèm danh sách đề nghị khen thưởng (01 bản, Mẫu số 01);

b) Trích Biên bản họp bình xét khen thưởng (01 bản, Mẫu số 02);

c) Báo cáo thành tích của tập thể và cá nhân đề nghị khen thưởng (từ mẫu số 03 đến mẫu số 07);

d) Đối với các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo quy định phải có sáng kiến thì hồ sơ phải có quyết định công nhận sáng kiến.

4. Hồ sơ khen thưởng theo thủ tục đơn giản

a) Khen thưởng theo thủ tục đơn giản cho các tập thể, cá nhân được thực hiện khi có đủ các điều kiện sau:

Việc khen thưởng phục vụ yêu cầu chính trị, kịp thời động viên khích lệ quần chúng; tập thể, cá nhân lập được thành tích xuất sắc đột xuất trong công tác, lao động, học tập; thành tích, công trạng rõ ràng.

b) Hồ sơ đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản gồm:

Tờ trình kèm theo danh sách cá nhân, tập thể đề nghị khen thưởng theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này; Bản tóm tắt thành tích của cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp ghi rõ hành động, thành tích, công trạng của cá nhân, tập thể đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản theo mẫu số 06 ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Hồ sơ Kỷ niệm chương gồm:

a) Đối với cán bộ trong ngành Kế hoạch và Đầu tư

Tờ trình kèm danh sách cá nhân đề nghị khen thưởng (Mẫu số 01);

Bản kê khai quá trình công tác của cá nhân (Mẫu số 07).

b) Đối với cán bộ ngoài ngành Kế hoạch và Đầu tư

Tờ trình kèm danh sách cá nhân đề nghị khen thưởng (Mẫu số 01);

Tóm tắt thành tích công lao đóng góp đối với sự nghiệp phát triển ngành Kế hoạch và Đầu tư của cá nhân có xác nhận của đơn vị trình khen thưởng

6. Nguyên tắc lập hồ sơ

a) Báo cáo thành tích, báo cáo tóm tắt thành tích của tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng phải đóng dấu giáp lai của đơn vị đề nghị khen thưởng.

b) Đối với những cơ quan, tổ chức, đơn vị có nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước, khi trình các hình thức khen thưởng: Cờ thi đua, Bằng khen, Chiến sĩ

thi đua cấp bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Tập thể lao động xuất sắc và các hình thức khen thưởng cấp nhà nước cho tập thể hoặc cá nhân là thủ trưởng đơn vị, trong hồ sơ khen thưởng phải có văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế có thẩm quyền.

c) Việc khen thưởng đối với doanh nghiệp thuộc đối tượng kiểm toán phải có Báo cáo kết quả kiểm toán của cơ quan kiểm toán có thẩm quyền trong thời gian 05 năm trở lên trước thời điểm đề nghị khen thưởng. Đối với doanh nghiệp không thuộc đối tượng kiểm toán trong báo cáo thành tích phải nêu căn cứ không thuộc đối tượng kiểm toán.

Điều 29. Thời gian gửi hồ sơ đề nghị khen thưởng

1. Các đơn vị thuộc Bộ:

a) Khen thưởng thuộc thẩm quyền cấp bộ: Trước ngày 10/01 hằng năm;

b) Khen thưởng cấp Nhà nước: Trong thời gian 10 ngày kể từ ngày có quyết định của Bộ trưởng, các tập thể, cá nhân hoàn thiện hồ sơ gửi về Vụ Thi đua - Khen thưởng và Truyền thông.

2. Các khối thi đua, Các Sở, Ban Quản lý: Trước ngày 31/01 hằng năm.

3. Thời gian gửi hồ sơ đề nghị khen thưởng theo chuyên đề, đột xuất và các loại hình khen thưởng khác được thực hiện theo văn bản hướng dẫn hoặc kế hoạch phát động của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Khen thưởng quá trình cống hiến: Trước khi nghỉ chế độ 06 tháng.

5. Hồ sơ đề nghị tặng kỷ niệm chương đối với cá nhân công tác trong Ngành gửi vào dịp 31/10 hằng năm. Đối với cá nhân ngoài Ngành gửi trước thời gian tổ chức trao tặng 10 ngày làm việc.

6. Thời gian thông báo kết quả khen thưởng:

a) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ký quyết định khen thưởng hoặc kể từ ngày nhận được quyết định khen thưởng của các cơ quan có thẩm quyền, Vụ Thi đua-Khen thưởng và Truyền thông thông báo cho đơn vị trình khen thưởng;

b) Đối với các trường hợp không đủ điều kiện, tiêu chuẩn, hồ sơ theo quy định, trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Vụ Thi đua-Khen thưởng và Truyền thông thông báo cho đơn vị trình khen thưởng;

c) Trường hợp hồ sơ gửi không đúng tuyến trình, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Vụ Thi đua-Khen thưởng và Truyền thông thông báo và trả hồ sơ cho đơn vị trình khen thưởng.

Điều 30. Quản lý, lưu trữ hồ sơ khen thưởng

1. Các đơn vị trong Ngành có trách nhiệm quản lý, lưu trữ hồ sơ khen thưởng theo quy định hiện hành.

2. Khuyến khích các cơ quan, đơn vị ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý, lưu trữ hồ sơ khen thưởng.

Chương V
HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG

Điều 31. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư (sau đây gọi tắt là Hội đồng) do Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quyết định thành lập, có chức năng tham mưu, tư vấn cho Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về công tác thi đua, khen thưởng.

Điều 32. Nhiệm vụ của Hội đồng

1. Tham mưu cho Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức phát động, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc thực hiện phong trào thi đua trong ngành Kế hoạch và Đầu tư; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào

thi đua yêu nước trong từng năm và từng giai đoạn, đảm bảo cho phong trào thi đua của Ngành phát triển mạnh mẽ, sâu rộng, đúng hướng, thiết thực và có hiệu quả;

2. Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu việc sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng và tổ chức thực hiện các chính sách, pháp luật về thi đua, khen thưởng trong ngành Kế hoạch và Đầu tư;

3. Tham mưu việc phát hiện, nhân rộng điển hình tiên tiến; việc bình xét, lựa chọn những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc tiêu biểu trong phong trào thi đua của ngành Kế hoạch và Đầu tư để Bộ trưởng tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

4. Đôn đốc, kiểm tra và giám sát việc thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng đối với các đơn vị trong Bộ, trong Ngành.

Điều 33. Thành phần Hội đồng gồm:

1. Chủ tịch Hội đồng: Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

2. Phó Chủ tịch Hội đồng thứ nhất: Thứ trưởng phụ trách công tác thi đua, khen thưởng.

3. Phó Chủ tịch Hội đồng thường trực: Vụ trưởng Vụ Thi đua - Khen thưởng và Truyền thông

4. Các Ủy viên Hội đồng là thủ trưởng các đơn vị sau:

a) Vụ trưởng Vụ Tổng hợp kinh tế quốc dân;

b) Vụ trưởng Vụ Kinh tế địa phương và lãnh thổ;

c) Vụ trưởng Vụ Quản lý các khu kinh tế;

d) Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ;

đ) Chánh Thanh tra Bộ;

e) Chánh Văn phòng Bộ;

g) Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê;

h) Viện trưởng Viện Chiến lược phát triển;

i) Viện trưởng Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương;

k) Cục trưởng Cục Đầu tư nước ngoài;

l) Phó Bí thư thường trực Đảng ủy cơ quan;

m) Chủ tịch Công đoàn Bộ.

Điều 34. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp cơ sở

1. Thủ trưởng các đơn vị được phân cấp thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư quyết định thành lập Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của đơn vị để tham mưu cho Thủ trưởng đơn vị về công tác thi đua, khen thưởng.

2. Thành phần Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp cơ sở gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Thủ trưởng đơn vị;

b) Người đứng đầu tổ chức giúp Thủ trưởng đơn vị thực hiện công tác thi đua, khen thưởng là Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng hoặc Ủy viên thường trực; các Ủy viên Hội đồng là đại diện cấp ủy, tổ chức Công đoàn và các thành viên khác là trưởng các đơn vị chuyên môn trực thuộc do Thủ trưởng đơn vị quyết định.

3. Hội đồng làm việc theo Quy chế hoạt động do Thủ trưởng đơn vị ban hành.

Điều 35. Nguyên tắc làm việc, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng

1. Hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số. Trường hợp ý kiến các thành viên Hội đồng ngang nhau thì ý kiến của Chủ tịch Hội đồng là ý kiến quyết định.

2. Việc bình xét thi đua, khen thưởng phải bảo đảm khách quan, trung thực, công khai, minh bạch và được thực hiện bằng hình thức biểu quyết hoặc bỏ phiếu kín, lấy theo kết quả từ cao xuống thấp và phải đạt tỷ lệ quy định.

3. Hoạt động của Hội đồng các cấp là các kỳ họp. Trong các phiên họp phải có ít nhất 2/3 tổng số thành viên tham dự.Trường hợp thành viên vắng mặt cử người khác đi thay phải báo cáo và được sự đồng ý của Chủ tịch Hội đồng.Trong trường hợp Hội đồng có 03 thành viên thì phải có đủ 100%, nếu vì lý do bất khả kháng chỉ có 02 người thì phải được sự đồng ý của Hội đồng cấp trên trực tiếp.

4. Hội đồng các cấp chỉ họp khi Chủ tịch Hội đồng triệu tập. Hội đồng cấp bộ họp định kỳ 6 tháng/lần để sơ kết, tổng kết, đánh giá, bình xét công tác thi đua khen thưởng của Bộ; xem xét việc sử dụng và trích lập quỹ thi đua, khen thưởng hàng năm.

Trường hợp khen thưởng chuyên đề, đột xuất, Chủ tịch Hội đồng xem xét, quyết định họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

5. Thành viên của Hội đồng làm việc theo chế độ kiêm nhiệm.

Điều 36. Nhiệm vụ và quyền hạn của các thành viên Hội đồng

1. Chủ tịch Hội đồng lãnh đạo mọi hoạt động của Hội đồng, chủ trì và kết luận các phiên họp của Hội đồng.

2. Phó Chủ tịch Hội đồng chủ trì và kết luận các phiên họp của Hội đồng khi Chủ tịch Hội đồng vắng mặt hoặc được Chủ tịch Hội đồng ủy quyền; Thay mặt Chủ tịch Hội đồng ký các văn bản của Hội đồng, các chương trình, kế hoạch công tác thi đua, khen thưởng hàng năm; đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ được giao của các thành viên Hội đồng.

3. Phó Chủ tịch thường trực của Hội đồng

a) Giúp Chủ tịch Hội đồng thực hiện một số nhiệm vụ và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng về nhiệm vụ được phân công;

b) Đề xuất chủ trương, kế hoạch chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc tổ chức thực hiện phong trào thi đua và công tác khen thưởng của các đơn vị, tổ chức thuộc cơ quan Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

c) Chỉ đạo các công việc của cơ quan giúp việc cho Hội đồng: Lập kế hoạch và chương trình công tác của Hội đồng; chuẩn bị nội dung và văn bản báo cáo tại các phiên họp của Hội đồng; dự toán kinh phí cho hoạt động công tác thi đua, khen thưởng hàng năm; quản lý quỹ thi đua, khen thưởng của cơ quan Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định của pháp luật;

d) Chỉ đạo, tổ chức thẩm định thành tích và đề xuất các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cho tập thể, cá nhân của các đơn vị thuộc cơ quan Bộ, Ngành đủ điều kiện trình Hội đồng xét khen thưởng;

đ) Tổng hợp, định kỳ báo cáo Hội đồng kết quả công tác thi đua, khen thưởng của cơ quan Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

4. Các Ủy viên Hội đồng

a) Chịu trách nhiệm chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra phong trào thi đua và công tác khen thưởng thuộc đơn vị, tổ chức mình phụ trách, báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng;

b) Tham dự, thảo luận và tham gia quyết nghị tại các cuộc họp của Hội đồng; thực hiện đầy đủ các chương trình công tác của Hội đồng;

c) Thực hiện một số nhiệm vụ khác theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng.

Chương VI
QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 37. Nguồn, mức trích và quản lý Quỹ thi đua, khen thưởng

1. Quỹ thi đua, khen thưởng của các đơn vị thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu được hình thành theo quy định tại Điều 65 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. Quỹ thi đua, khen thưởng của Bộ Kế hoạch và Đầu được hình thành từ các nguồn sau:

a) Từ ngân sách nhà nước với mức trích không quá 20% tổng quỹ tiền lương, tiền công được duyệt theo ngạch, bậc của cán bộ, công chức, viên chức trong biên chế của cơ quan Bộ Kế hoạch và Đầu tư và được quyết toán hằng năm;

b) Từ đóng góp tự nguyện của các tập thể, cá nhân trong và ngoài Ngành.

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư khuyến khích các tổ chức, cá nhân hỗ trợ, đóng góp để bổ sung Quỹ thi đua, khen thưởng.

4. Vụ Thi đua - Khen thưởng và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Văn phòng Bộ quản lý Quỹ thi đua, khen thưởng theo quy định hiện hành.

Điều 38. Sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng

1. Chi tiền thưởng hoặc hiện vật cho các tập thể, cá nhân công tác tại các đơn vị không được phân cấp thuộc Bộ được Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng khen thưởng.

2. Chi in giấy chứng nhận, giấy khen, bằng khen, làm kỷ niệm chương, huy hiệu, cờ thi đua, khung bằng khen….

3. Hằng năm trích 20% Quỹ thi đua, khen thưởng của Bộ để chi cho công tác tổ chức, chỉ đạo các phong trào thi đua, bao gồm các nhiệm vụ sau:

a) Tổ chức các cuộc họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng; Hội đồng sáng kiến;

b) Xây dựng, tổ chức phát động, triển khai các phong trào thi đua trong toàn Ngành và chi tham gia các hoạt động của khối thi đua các Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương;

c) Chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện phong trào thi đua và công tác khen thưởng;

d) Tập huấn nghiệp vụ về thi đua, khen thưởng; tổ chức hội nghị ký kết giao ước thi đua; hội nghị sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, công tác tuyên truyền, biểu dương, nhân rộng điển hình tiên tiến;

đ) Một số nội dung chi khác do người có thẩm quyền quyết định.

4. Quỹ thi đua, khen thưởng của các đơn vị phân cấp thuộc Bộ được sử dụng:

a) Chi tiền thưởng cho các tập thể, cá nhân thuộc đơn vị được cấp trên tặng thưởng;

b) Chi tiền thưởng cho các tập thể, cá nhân được thủ trưởng đơn vị tặng thưởng theo thẩm quyền;

c) Chi cho công tác tổ chức phong trào thi đua và các hoạt động phục vụ công tác thi đua, khen thưởng.

5. Mức tiền thưởng, chế độ ưu đãi và các quyền lợi khác của các tập thể, cá nhân thuộc các đơn vị thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện theo quy định tại các Điều 68, 69, 70, 71, 72, 73, 74 và 75 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

Chương VII

QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN TRONG CÔNG TÁC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 39. Trách nhiệm của cơ quan làm công tác thi đua khen thưởng

1. Cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng của các đơn vị thuộc ngành Kế hoạch và Đầu tư căn cứ vào nhiệm vụ, chỉ tiêu cụ thể của kế hoạch phát triển hằng năm, 5 năm và nhiệm vụ chính trị được giao để tham mưu, đề xuất với lãnh đạo về chủ trương, nội dung, chương trình, kế hoạch, biện pháp thi đua; đặc biệt coi trọng công tác tuyên truyền, vận động các tầng lớp quần chúng tham gia phong trào thi đua; chủ động hướng dẫn, tổ chức các phong trào thi đua và kiểm tra việc thực hiện; tham mưu sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua, nhân rộng các điển hình tiên tiến; đề xuất khen thưởng và các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác thi đua, khen thưởng.

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp thuộc ngành Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm tham mưu cho Thủ trưởng đơn vị cùng cấp tổ chức phát động và chỉ đạo phong trào thi đua trong phạm vi đơn vị, ngành Kế hoạch và Đầu tư.

3. Vụ Thi đua - Khen thưởng và Truyền thông có trách nhiệm

a) Theo dõi, rà soát, đề xuất Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ và Bộ trưởng quyết định biểu dương, khen thưởng kịp thời các gương điển hình tiên tiến trong các lĩnh vực thuộc Ngành Kế hoạch và Đầu tư;

b) Hằng năm xây dựng kế hoạch tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác thi đua, khen thưởng của Ngành theo yêu cầu và điều kiện cụ thể.

c) Cung cấp thông tin các tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng Huân chương các loại, các hạng, danh hiệu vinh dự Nhà nước, danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc cho Trung tâm tin học để lấy ý kiến trên cổng thông tin điện tử của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

4. Vụ Tổ chức cán bộ, Văn phòng Bộ, Thanh tra Bộ, Vụ Quản lý các khu kinh tế, Vụ Kinh tế địa phương và lãnh thổ, các đơn vị có liên quan trong Bộ có trách nhiệm cung cấp thông tin phục vụ công tác xét khen thưởng cho các đơn vị trong toàn ngành Kế hoạch và Đầu tư;

5. Thủ trưởng các đơn vị trong ngành Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm hướng dẫn các quy định về công tác thi đua, khen thưởng phù hợp với quy mô, tính chất hoạt động của đơn vị.

Điều 40. Nhiệm vụ của Khối thi đua

1. Tổ chức phát động, ký giao ước thi đua thể hiện quyết tâm hưởng ứng, thực hiện phong trào thi đua do Bộ Kế hoạch và Đầu tư phát động; đề ra các chỉ tiêu, nội dung, biện pháp tổ chức thực hiện nhằm phát triển mạnh mẽ, rộng khắp, đúng hướng, có hiệu quả phong trào thi đua của Khối thi đua.

2. Sơ kết, tổng kết phong trào thi đua hằng năm và đề ra phương hướng, nhiệm vụ tổ chức phong trào thi đua của Khối thi đua; chia sẻ kinh nghiệm, xây dựng các mô hình mới, các điển hình tiên tiến trong Khối thi đua.

3. Thống nhất đánh giá hiệu quả, tác dụng của phong trào thi đua, chấm điểm, xếp hạng các cơ quan, đơn vị trong Khối thi đua theo tiêu chí đánh giá của Bộ, của Khối.

4. Bình chọn, suy tôn tập thể có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong Khối thi đua để đề nghị xét tặng "Cờ thi đua cấp bộ", điển hình tiên tiến ngành Kế hoạch và Đầu tư.

5. Thực hiện các nhiệm vụ khác được Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao.

Điều 41. Trách nhiệm của các đơn vị truyền thông ngành Kế hoạch và Đầu tư

1. Các cơ quan báo chí ngành Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm phản ánh đúng kết quả của phong trào thi đua và công tác khen thưởng; thường xuyên tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, của ngành Kế hoạch và Đầu tư về công tác thi đua, khen thưởng; phát hiện các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua; biểu dương, tôn vinh, nêu gương các điển hình tiên tiến, người tốt, việc tốt; đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng.

2. Trung tâm tin học của Bộ có trách nhiệm đăng tải thông tin công khai trên cổng thông tin điện tử của Bộ Kế hoạch và Đầu tư đối với các tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng Huân chương các loại, các hạng, danh hiệu vinh dự Nhà nước, danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc.

Điều 42. Quyền và nghĩa vụ của tập thể, cá nhân trong thi đua, khen thưởng

1. Quyền của tập thể, cá nhân trong thi đua, khen thưởng.

a) Được tham gia các phong trào thi đua do Nhà nước, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan, tổ chức, đơn vị phát động;

b) Được đề nghị xét tặng danh hiệu, hình thức khen thưởng theo đúng quy định của pháp luật;

c) Được quyền góp ý hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cho tập thể, cá nhân có đủ thành tích và tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật và ngược lại;

d) Hằng năm, cá nhân được khen thưởng sẽ được xem xét nâng lương trước hạn, ưu tiên cử đi học tập, nghiên cứu, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn và tham quan, khảo sát ở trong nước và nước ngoài; quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại chức vụ.

2. Nghĩa vụ của tập thể, cá nhân trong thi đua, khen thưởng.

a) Nghiêm chỉnh chấp hành các quy định pháp luật của Nhà nước, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong công tác thi đua, khen thưởng;

b) Tập thể, cá nhân được khen thưởng có nghĩa vụ bảo quản các hiện vật khen thưởng, không được cho người khác mượn để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật;

c) Từ chối nhận danh hiệu hoặc hình thức khen thưởng không xứng đáng với thành tích và không đúng tiêu chuẩn, thủ tục do pháp luật quy định;

d) Có trách nhiệm phát hiện cá nhân có thành tích đột xuất, gương người tốt, việc tốt, điển hình tiên tiến để đề xuất khen thưởng kịp thời hoặc tố cáo những tập thể, cá nhân có hành vi gian dối, vi phạm các quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

2. Việc hủy bỏ quyết định khen thưởng, thủ tục, hồ sơ tước hoặc phục hồi danh hiệu thực hiện theo các Điều 78, 79 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

Điều 43. Kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng

1. Hằng năm,Vụ Thi đua - Khen thưởng và Truyền thông có trách nhiệm xây dựng kế hoạch kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng tại các đơn vị trong Ngành theo quy định hiện hành.

2. Thủ trưởng các đơn vị trong Ngành có trách nhiệm kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng tại đơn vị.

3. Trưởng khối thi đua có trách nhiệm kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng của khối theo nội dung giao ước thi đua đã ký kết.

Chương VIII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 44. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc các Sở, Trưởng các Ban Quản lý, Khối trưởng Khối thi đua trong toàn ngành Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm trước Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ, Bộ trưởng về công tác thi đua, khen thưởng thuộc thẩm quyền và chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

2. Hằng năm, các đơn vị trong Ngành có trách nhiệm sơ kết, tổng kết, đánh giá, bình xét khen thưởng và gửi báo cáo về Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ; tuyên truyền, phát hiện các gương người tốt, việc tốt, trong phong trào thi đua để bồi dưỡng, nhân rộng các điển hình; đấu tranh, phê phán các hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng.

3. Chánh Thanh tra Bộ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao thực hiện thanh tra về công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Kế hoạch và Đầu tư, kịp thời tham mưu, đề xuất với Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải quyết kịp thời các vi phạm, khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 45. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và thay thế Thông tư số 08/2015/TT-BKHĐT ngày 28 tháng 9 năm 2015 hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng ngành Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam; Thông tư số 05/2012/TT-BKHĐT ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn xét tặng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp Ngành Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam"; Quyết định số 590/QĐ-BKHĐT ngày 11 tháng 5 năm 2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc thành lập Hội đồng Thi đua-Khen thưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc các cơ quan, đơn vị phản ánh về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:
- Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng TĐKT TW;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cổng TTĐT Bộ KH&ĐT; Cổng TTĐT Chính phủ, Công báo;
- Ban TĐKT Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Các Tổng cục, Cục, Vụ, Viện và các đơn vị thuộc Bộ;
- Sở KH&ĐT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- BQL các KCN, KCX, KKT các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Lưu: VT, Vụ TĐKT&TT.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Chí Dũng



Phụ lục 1

DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ KHÔNG ĐƯỢC PHÂN CẤP THUỘC BỘ

1. Văn phòng Bộ
2. Vụ Tổ chức cán bộ
3. Thanh tra Bộ
4. Vụ Tổng hợp kinh tế quốc dân
5. Vụ Kinh tế địa phương và lãnh thổ
6. Vụ Tài chính, tiền tệ
7. Vụ Kinh tế công nghiệp
8. Vụ Kinh tế nông nghiệp
9. Vụ Kinh tế dịch vụ
10. Vụ Kết cấu hạ tầng và đô thị
11. Vụ Quản lý các khu kinh tế
12. Vụ Giám sát và Thẩm định đầu tư
13. Vụ Kinh tế đối ngoại
14. Vụ Lao động, văn hóa, xã hội
15. Vụ Khoa học, giáo dục, tài nguyên và môi trường
16. Vụ Quản lý quy hoạch
17. Vụ Quốc phòng, an ninh
18. Vụ Pháp chế
19. Vụ Thi đua - Khen thưởng và Truyền thông
20. Văn phòng Đảng ủy và các tổ chức đoàn thể./.

Phụ lục 2

DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ ĐƯỢC PHÂN CẤP THUỘC BỘ

1. Cục Quản lý đấu thầu
2. Cục Phát triển doanh nghiệp
3. Cục Quản lý đăng ký kinh doanh
4. Cục Đầu tư nước ngoài
5. Cục Phát triển Hợp tác xã
6. Tổng cục Thống kê
7. Viện Chiến lược phát triển
8. Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương
9. Trung tâm Thông tin và Dự báo kinh tế - xã hội quốc gia
10. Trung tâm Tin học
11. Báo Đầu tư
12. Tạp chí Kinh tế và Dự báo
13. Học viện Chính sách và Phát triển
14. Trường Cao đẳng Kinh tế - Kế hoạch Đà Nẵng
15. Trung tâm Bồi dưỡng cán bộ Kinh tế - Kế hoạch
16. Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa./.

Phụ lục 3

DANH SÁCH KHỐI THI ĐUA CÁC ĐƠN VỊ THUỘC BỘ

KHỐI I

1. Văn phòng Bộ
2. Vụ Tổ chức cán bộ
3. Vụ Thi đua - Khen thưởng và Truyền thông
4. Vụ Quốc phòng, an ninh

KHỐI II

1. Vụ Kinh tế công nghiệp
2. Vụ Kinh tế nông nghiệp
3. Vụ Lao động, văn hóa, xã hội
4. Vụ Khoa học, giáo dục, tài nguyên và môi trường

KHỐI III

1. Thanh tra Bộ
2. Vụ Giám sát và Thẩm định đầu tư
3. Vụ Pháp chế
4. Trung tâm Tin học

KHỐI IV

1. Vụ Tổng hợp kinh tế quốc dân
2. Vụ Kinh tế địa phương và lãnh thổ
3. Vụ Kết cấu hạ tầng và đô thị
4. Vụ Quản lý các khu kinh tế

KHỐI V

1. Vụ Tài chính, tiền tệ
2. Vụ Kinh tế dịch vụ
3. Vụ Kinh tế đối ngoại
4. Vụ Quản lý quy hoạch

KHỐI VI

1. Cục Quản lý đấu thầu
2. Cục Phát triển doanh nghiệp
3. Cục Quản lý đăng ký kinh doanh
4. Cục Đầu tư nước ngoài
5. Cục Phát triển Hợp tác xã

KHỐI VII

1. Tổng cục Thống kê
2. Viện Chiến lược phát triển
3. Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương
4. Trung tâm Thông tin và Dự báo kinh tế - xã hội quốc gia
5. Học viện Chính sách và Phát triển

KHỐI VIII

1. Trường Cao đẳng Kinh tế - Kế hoạch Đà Nẵng
2. Trung tâm Bồi dưỡng cán bộ Kinh tế - Kế hoạch
3. Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa
4. Báo Đầu tư
5. Tạp chí Kinh tế và Dự báo

Phụ lục 4

DANH SÁCH KHỐI THI ĐUA CÁC SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

I. Khối các tỉnh Đồng bằng Sông Hồng

1. Thành phố Hà Nội
2. Thành phố Hải Phòng
3. Tỉnh Hải Dương
4. Tỉnh Hưng Yên
5. Tỉnh Ninh Bình
6. Tỉnh Thái Bình
7. Tỉnh Hà Nam
8. Tỉnh Nam Định
9. Tỉnh Bắc Ninh
10. Tỉnh Vĩnh Phúc
11. Tỉnh Quảng Ninh

II. Khối các tỉnh miền Núi, Biên giới phía Bắc

1. Tỉnh Lai Châu
2. Tỉnh Điện Biên
3. Tỉnh Sơn La
4. Tỉnh Cao Bằng
5. Tỉnh Lạng Sơn
6. Tỉnh Lào Cai
7. Tỉnh Hà Giang

III. Khối các tỉnh Trung du và Miền núi phía Bắc

1. Tỉnh Bắc Giang
2. Tỉnh Thái Nguyên
3. Tỉnh Bắc Kạn
4. Tỉnh Tuyên Quang
5. Tỉnh Phú Thọ
6. Tỉnh Yên Bái
7. Tỉnh Hòa Bình

IV. Khối các tỉnh Trung Bộ

1. Tỉnh Thanh Hóa
2. Tỉnh Nghệ An
3. Tỉnh Hà Tĩnh
4. Tỉnh Quảng Bình
5. Tỉnh Quảng Trị
6. Tỉnh Thừa Thiên Huế

V. Khối các tỉnh Tây Nguyên và Duyên hải miền Trung

1. Thành phố Đà Nẵng
2. Tỉnh Quảng Nam
3. Tỉnh Quảng Ngãi
4. Tỉnh Bình Định
5. Tỉnh Phú Yên
6. Tỉnh Khánh Hòa
7. Tỉnh Kon Tum
8. Tỉnh Gia Lai
9. Tỉnh Đắk Lắk
10. Tỉnh Đắk Nông
11. Tỉnh Lâm Đồng

VI. Khối các tỉnh miền Tây Nam Bộ

1. Thành phố Cần Thơ
2. Tỉnh Long An
3. Tỉnh Bến Tre
4. Tỉnh Tiền Giang
5. Tỉnh Đồng Tháp
6. Tỉnh Vĩnh Long
7. Tỉnh Trà Vinh
8. Tỉnh Kiên Giang
9. Tỉnh An Giang
10. Tỉnh Hậu Giang
11. Tỉnh Sóc Trăng
12. Tỉnh Bạc Liêu
13. Tỉnh Cà Mau

VII. Khối các tỉnh miền Đông Nam Bộ

1. Thành phố Hồ Chí Minh
2. Tỉnh Tây Ninh
3. Tỉnh Bình Phước
4. Tỉnh Bình Dương
5. Tỉnh Đồng Nai
6. Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu
7. Tỉnh Ninh Thuận
8. Tỉnh Bình Thuận./.

Phụ lục 5

DANH SÁCH KHỐI THI ĐUA BAN QUẢN LÝ CÁC KCN, KKT

I. Khối các tỉnh đồng bằng Sông Hồng

1. Ban Quản lý các KCN và CX Hà Nội
2. Ban Quản lý KKT Hải Phòng
3. Ban Quản lý các KCN tỉnh Hải Dương
4. Ban Quản lý các KCN tỉnh Hưng Yên
5. Ban Quản lý các KCN tỉnh Ninh Bình
6. Ban Quản lý KKT và các KCN tỉnh Thái Bình
7. Ban Quản lý các KCN tỉnh Hà Nam
8. Ban Quản lý các KCN tỉnh Nam Định
9. Ban Quản lý các KCN Bắc Ninh
10. Ban Quản lý các KCN Vĩnh Phúc
11. Ban Quản lý KKT Quảng Ninh

II. Khối các tỉnh miền Núi, Biên giới phía Bắc

1. Ban Quản lý KKT cửa khẩu Ma Lù Thàng tỉnh Lai Châu
2. Ban Quan lý các KCN tỉnh Sơn La
3. Ban Quản lý KKT tỉnh Lào Cai
4. Ban Quản lý KKT tỉnh Cao Bằng
5. Ban Quản lý Khu KTCK Đồng Đăng - Lạng Sơn
6. Ban Quán lý các KKT tỉnh Hà Giang

III. Khối các tỉnh Trung du và Miền núi phía Bắc

1. Ban Quản lý các KCN tỉnh Hòa Bình
2. Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang
3. Ban Quán lý các KCN Thái Nguyên
4. Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Kạn
5. Ban Quản lý các KCN tỉnh Tuyên Quang
6. Ban Quản lý các KCN Phú Thọ
7. Ban Quản lý các KCN tỉnh Yên Bái

IV. Khối các tỉnh Trung Bộ

1. Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN tỉnh Thanh Hóa
2. Ban Quản lý KKT Đông Nam tỉnh Nghệ An
3. Ban Quản lý KKT tỉnh Hà Tĩnh
4. Ban Quản lý KKT Quảng Bình
5. Ban Quản lý KKT tỉnh Quảng Trị
7. Ban Quản lý KKT, CN tỉnh Thừa Thiên Huế

V. Khối các tỉnh Tây Nguyên và Duyên hải miền Trung

1. Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các Khu công nghiệp Đà Nẵng
2. Ban Quản lý KKT mở Chu Lai
3. Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCNtỉnh Quảng Ngãi
4. Ban Quản lý KKT tỉnh Bình Định
5. Ban Quản lý KKT tỉnh Phú Yên
6. Ban Quan lý KKT Vân Phong tỉnh Khánh Hòa
7. Ban Quản lý KKT tỉnh Kon Tum
8. Ban Quản lý KKT tỉnh Gia Lai
9. Ban Quản lý các KCN tỉnh Đắk Lắk
10. Ban Quản lý các KCN tỉnh Đắk Nông
11. Ban Quản lý các KCN tỉnh Lâm Đồng

VI. Khối các tỉnh miền Tây Nam Bộ

1. Ban Quản lý các KCX và CN Cần Thơ
2. Ban Quản lý KKT tỉnh Long An
3. Ban Quan lý các KCN Bến Tre
4. Ban Quản lý các KCN tỉnh Tiền Giang
5. Ban Quản lý KKT Đồng Tháp
6. Ban Quản lý các KCN Vĩnh Long
7. Ban Quản lý KKT Trà Vinh
8. Ban Quản lý KKT tỉnh Kiên Giang
9. Ban Quản lý KKT tỉnh An Giang
10. Ban Quản lý các KCN tỉnh Hậu Giang
11. Ban Quan lý các KCN tỉnh Sóc Trăng
12. Ban Quản lý các KCN tỉnh Bạc Liêu
13. Ban Quản lý KKT tỉnh Cà Mau
14. Ban Quản lý KKT Phú Quốc tỉnh Kiên Giang

VII. Khối các tỉnh miền Đông Nam Bộ

1. Ban Quản lý các KCX và CN thành phố Hồ Chí Minh
2. Ban Quản lý KKT tỉnh Tây Ninh
3. Ban Quản lý KKT tỉnh Bình Phước
4. Ban Quản lý các KCN Bình Dương
5. Ban Quản lý KCN Việt Nam-Singapore
6. Ban Quản lý các KCN Đồng Nai
7. Ban Quản lý các KCN tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu
8. Ban Quản lý các KCN tỉnh Ninh Thuận
10. Ban Quản lý các KCN tỉnh Bình Thuận./.

Phụ lục 6

DANH SÁCH
KHỐI THI ĐUA CÁC ĐƠN VỊ THUỘC TỔNG CỤC THỐNG KÊ

I. Khối I

1. Vụ Phương pháp chế độ Thống kê và Công nghệ thông tin
2. Vụ Hệ thống Tài khoản quốc gia
3. Vụ Thống kê Tổng hợp
4. Vụ Thống kê Gia

II. Khối II

1. Vụ Thống kê Công nghiệp
2. Vụ Thống kê Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản
3. Vụ Thống kê Thương mại và Dịch vụ
4. Vụ Thống kê Xây dựng và Vốn đầu tư
5. Vụ Thống kê Dân số và Lao động
6. Vụ Thống kê Xã hội và Môi trường

III. Khối III

1. Vụ Tổ chức cán bộ
2. Vụ Kế hoạch tài chính
3. Vụ Thống kê Nước ngoài và Hợp tác quốc tế
4. Văn phòng
5. Vụ Pháp chế và Thanh tra Thống kê

IV. Khối IV

1. Trung tâm Tư liệu và Dịch vụ Thống kê
2. Trung tâm Tin học Thống kê khu vực I
3. Trung tâm Tin học Thống kê khu vực II
4. Trung tâm Tin học Thống kê khu vực III
5. Tạp chí Con số và Sự kiện
6. Viện Khoa học Thống kê
7. Nhà Xuất bản Thống kê
8. Trường Cao đẳng Thống kê II
9. Trường Trung cấp Thống kê./.

Phụ lục 7

DANH SÁCH KHỐI THI ĐUA CÁC CỤC THỐNG KÊ

I. Khối các thành phố trực thuộc Trung ương

1. Thành phố Hà Nội
2. Thành phố Hải Phòng
3. Thành phố Hồ Chí Minh
4. Thành phố Đà Nẵng
5. Thành phố Cần Thơ

II. Khối các tỉnh đồng bằng Sông Hồng

1. Tỉnh Hải Dương
2. Tỉnh Hưng Yên
3. Tỉnh Ninh Bình
4. Tỉnh Thái Bình
5. Tỉnh Hà Nam
6. Tỉnh Nam Định
7. Tỉnh Bắc Ninh
8. Tỉnh Vĩnh Phúc

III. Khối các tỉnh miền núi biên giới phía Bắc

1. Tỉnh Lai Châu
2. Tỉnh Điện Biên
3. Tỉnh Sơn La
4. Tỉnh Cao Bằng
5. Tỉnh Lạng Sơn
6. Tỉnh Lai Châu
7. Tỉnh Hà Giang
8. Tỉnh Quảng Ninh

IV. Khối các tỉnh Trung du và Miền núi phía Bắc

1. Tỉnh Bắc Giang
2. Tỉnh Thái Nguyên
3. Tỉnh Bắc Kạn
4. Tỉnh Tuyên Quang
5. Tỉnh Phú Thọ
6. Tỉnh Yên Bái
7. Tỉnh Hòa Bình

V. Khối các tỉnh Trung Bộ

1. Tỉnh Thanh Hóa
2. Tỉnh Nghệ An
3. Tỉnh Hà Tĩnh

4. Tỉnh Quảng Bình
5. Tỉnh Quảng Trị
6. Tỉnh Thừa Thiên Huế

VI. Khối các tỉnh Duyên hải miền Trung

1. Tỉnh Quảng Nam
2. Tỉnh Quảng Ngãi
3. Tỉnh Bình Định
4. Tỉnh Phú Yên
5. Tỉnh Khánh Hòa
6. Tỉnh Ninh Thuận

VII. Khối các tỉnh Tây Nguyên

1. Tỉnh Kon Tum
2. Tỉnh Gia Lai
3. Tỉnh Đắk Lắk
4. Tỉnh Đắk Nông
5. Tỉnh Lâm Đồng

VIII. Khối các tỉnh miền Tây Nam Bộ 1

1. Tỉnh Long An
2. Tỉnh Bến Tre
3. Tỉnh Tiền Giang
4. Tỉnh Đồng Tháp
5. Tỉnh Vĩnh Long
6. Tỉnh Trà Vinh

IX. Khối các tỉnh miền Tây Nam Bộ 2

1. Tỉnh Kiên Giang
2. Tỉnh An Giang
3. Tỉnh Hậu Giang
4. Tỉnh Sóc Trăng
5. Tỉnh Bạc Liêu
6. Tỉnh Cà Mau

X. Khối các tỉnh miền Đông Nam Bộ

1. Tỉnh Tây Ninh
2. Tỉnh Bình Phước
3. Tỉnh Bình Dương
4. Tỉnh Đồng Nai
5. Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
6. Tỉnh Bình Thuận./.

Mẫu số 1

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN **ĐƠN VỊ ……..** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số: …../TTr-……..	*Tỉnh (thành phố)[1], ngày ..... tháng.....năm ...*

TỜ TRÌNH
Về việc đề nghị khen thưởng năm ...

Kính gửi: Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Căn cứ Luật thi đua, khen thưởng năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2005 và năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số ...../2018/TT-BKHĐT ngày ...../...../2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng ngành Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ kết quả phiên họp ngày .... tháng ..... năm .....[2] Kính đề nghị Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ xem xét, trình Chủ tịch Hội đồng khen thưởng cho các tập thể, cá nhân….. (3)có thành tích xuất sắc trong công tác năm …..

(Xin gửi kèm theo danh sách, hồ sơ đề nghị khen thưởng)

Nơi nhận: - Như trên (Vụ TĐKT&TT); - .....; - Lưu: VT,...	**Thủ trưởng đơn vị** *(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

Ghi chú:
(1): Địa danh.
(2): Tên cơ quan, đơn vị đề nghị khen thưởng.
(3): Ghi số lượng tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng.

Danh sách tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng năm.....

TT	Tên tập thể, cá nhân	Chức vụ *(đối với cá nhân)*	Ghi chú
I	***Khen cấp bộ (tập thể)***		
1	Tập thể lao động tiên tiến		
2	Tập thể lao động xuất sắc		
3	Cờ thi đua cấp Bộ		
4	Cờ thi đua của Chính phủ		
5	Bằng khen của Bộ trưởng		
II	***Khen cấp bộ (cá nhân)***		
1	Lao động tiên tiến		
	Ông (bà)		
2	Chiến sĩ thi đua cơ sở		
3	Chiến sĩ thi đua cấp bộ		
4	Chiến sĩ thi đua toàn quốc		
5	Bằng khen của Bộ trưởng		
III	***Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ***		
1	Tập thể		
2	Cá nhân (ông, bà)		
IV	***Huân chương .....***		
1	Tập thể		
2	Cá nhân (ông, bà)		
V	***Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp ngành Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam"***		*Lập hồ sơ vào dịp 31/10 hằng năm*
	.....		

Ghi chú:

1. Đề nghị ghi rõ: a. Tổng số cán bộ của đơn vị: ..... người.
   b. Tổng số phòng (ban): .....
2. Đối với các đơn vị đã phân cấp: Phải gửi kèm theo Quyết định *"Tập thể lao động tiên tiến"; "Chiến sỹ thi đua cơ sở"* của đơn vị

Mẫu số 2

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN
ĐƠN VỊ .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tỉnh (thành phố)[1], ngày ..... tháng ..... năm ...

TRÍCH BIÊN BẢN HỌP
Về việc xét đề nghị tặng thưởng năm .....

Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ..... [2]đã họp bình xét khen thưởng cho các tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác..... đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và phát triển ngành Kế hoạch và Đầu tư.

Thời gian: ..... giờ ..... phút, ngày .... tháng ....năm ....

Địa điểm: .....

Chủ trì cuộc họp: Đ/c ....., Chủ tịch Hội đồng TĐKT ..... (hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng TĐKT) .....

Thư ký cuộc họp: Đ/c ....., chức vụ: .....

Thành viên Hội đồng TĐKT tham dự gồm các đồng chí:

1. Đ/c ..... chức vụ: .....Chủ tịch Hội đồng TĐKT;
2. Đ/c ..... chức vụ: .....
3. Đ/c ..... chức vụ: .....

Sau khi Hội đồng đã họp phân tích, đánh giá thành tích của các tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng, Hội đồng tiến hành bỏ phiếu kín.

Kết quả kiểm phiếu:

TT	Tên cá nhân/tập thể	Mức khen	Số phiếu đạt/tổng số phiếu [3]
...	.....	.....	*phiếu kín đối với danh hiệu "Chiến sĩ thi đua"*

Cuộc họp kết thúc vào hồi ....giờ ....phút, ngày ....tháng ....năm ....

Thư ký	**Chủ tịch Hội đồng**
(ký, ghi rõ họ tên)	*(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

Ghi chú:
(1): Địa danh
(2): Tên cơ quan, đơn vị đề nghị khen thưởng.
(3): Đối với danh hiệu CSTĐ các cấp bắt buộc phải bỏ phiếu kín.

Mẫu số 3

Báo cáo thành tích đề nghị tặng thưởng: Huân chương, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Cờ thi đua của Chính phủ; Cờ thi đua của Bộ, Bằng khen của Bộ trưởng, Tập thể Lao động xuất sắc ***(đối với tập thể)***[1]

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Đơn vị	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
---	---

Tỉnh (thành phố), ngày ..... tháng ..... năm ...

BÁO CÁO
THÀNH TÍCH ĐỀ NGHỊ KHEN..... ... [2]

Tên tập thể đề nghị
(ghi đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt)

I. SƠ LƯỢC ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH:

1. Đặc điểm, tình hình:

- Địa điểm, trụ sở chính, điện thoại, fax; địa chỉ trang tin điện tử;

- Quá trình thành lập và phát triển;

- Những đặc điểm chính của đơn vị, địa phương (về điều kiện tự nhiên, xã hội, cơ cấu tổ chức, cơ sở vật chất), các tổ chức đảng, đoàn thể;[3]

2. Chức năng, nhiệm vụ: Chức năng, nhiệm vụ được giao.

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

1. Báo cáo thành tích căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của cơ quan (đơn vị) và đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng quy định tại Luật thi đua, khen thưởng, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

Nội dung báo cáo nêu rõ những thành tích xuất sắc trong việc thực hiện các chỉ tiêu (nhiệm vụ) cụ thể về năng suất, chất lượng, hiệu quả công tác so với các năm trước (hoặc so với lần khen thưởng trước đây); việc đổi mới công tác quản lý, cải cách hành chính; các giải pháp công tác, sáng kiến, kinh nghiệm, đề tài nghiên cứu khoa học và việc ứng dụng, vào thực tiễn đem lại hiệu quả cao về kinh tế, xã hội đối với Bộ, ban, ngành, địa phương và cả nước [4].

2. Những biện pháp hoặc nguyên nhân đạt được thành tích; các phong trào thi đua đã được áp dụng trong thực tiễn sản xuất, công tác.

3. Việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước [5]

4. Hoạt động các tổ chức Đảng, đoàn thể [6].

III. CÁC HÌNH THỨC ĐÃ ĐƯỢC KHEN THƯỞNG.

1. Danh hiệu thi đua:

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm quyết định công nhận danh hiệu thi đua, cơ quan ban hành quyết định

2. Hình thức khen thưởng:

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng, cơ quan ban hành quyết định

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ CẤP TRÊN TRỰC TIẾP NHẬN XÉT, XÁC NHẬN
(ký, đóng dấu)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(ký, đóng dấu)

XÁC NHẬN CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
(ký, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Báo cáo thành tích 25 năm trước thời điểm đề nghị đối với Huân chương Sao vàng, 10 năm đối với Huân chương Hồ Chí Minh, 10 năm đối với Huân chương Độc lập, Huân chương Lao động; 05 năm đối với Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; 01 năm đối với Cờ thi đua của Chính phủ, Cờ thi đua cấp Bộ, Tập thể lao động xuất sắc; 02 năm đối với Bằng khen Bộ trưởng.

(2) Ghi rõ hình thức đề nghị khen thưởng.

(3) Đối với các đơn vị sản xuất kinh doanh cần nêu tình hình tài chính: Tổng số vốn cố định, lưu động, nguồn vốn (ngân sách, tự có, vay ngân hàng...)

(4) Tùy theo hình thức đề nghị khen thưởng, nêu các tiêu chí cơ bản trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của đơn vị (có so sánh với năm trước hoặc 03 năm, 05 năm trước thời điểm đề nghị).

(5) Việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; chăm lo đời sống cán bộ, nhân viên; công tác xây dựng đảng, đoàn thể; hoạt động xã hội, từ thiện ...

(6) Nêu các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng đã được Đảng, Nhà nước, Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tặng thưởng hoặc phong tặng (ghi rõ số quyết định, ngày, tháng, năm ký quyết định).

** Số lượng trang của báo cáo thành tích quy định như sau:*

a. Đối với đề nghị khen thưởng cấp Bộ: Từ 03 - 05 trang

b. Đối với đề nghị khen thưởng của Thủ tướng Chính phủ và Chủ tịch nước: Từ 05-10 trang

Mẫu số 4

Báo cáo thành tích đề nghị tặng thưởng Huân chương, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Chiến sỹ thi đua ... và Bằng khen của Bộ trưởng ***(đối với cá nhân)***[1]

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN **Đơn vị:** ..... ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Tỉnh (thành phố), ngày ..... tháng ..... năm ...

BÁO CÁO
THÀNH TÍCH ĐỀ NGHỊ TẶNG THƯỞNG ... [2]

I. SƠ LƯỢC LÝ LỊCH

- Họ tên (ghi rõ đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt)
- Sinh ngày, tháng, năm: Giới tính:
- Quê quán [3]:
- Trú quán:
- Đơn vị công tác:
- Chức vụ (Đảng, chính quyền, đoàn thể):
- Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ:
- Học hàm, học vị, danh hiệu, giải thưởng:

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC:

1. Quyền hạn, nhiệm vụ được giao hoặc đảm nhận:
2. Thành tích đạt được của cá nhân [4]:

III. CÁC HÌNH THỨC ĐÃ ĐƯỢC KHEN THƯỞNG [5]

1. Danh hiệu thi đua:

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm quyết định công nhận danh hiệu thi đua, cơ quan ban hành quyết định

2. Hình thức khen thưởng:

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng, cơ quan ban hành quyết định

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ **XÁC NHẬN, ĐỀ NGHỊ** *(ký, đóng dấu)*	**NGƯỜI BÁO CÁO THÀNH TÍCH** *(ký, ghi rõ họ và tên)*

XÁC NHẬN CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
(ký, đóng dấu)

Ghi chú:

(1): Báo cáo thành tích 10 năm trước thời điểm đề nghị đối với Huân chương Độc lập, Huân chương Lao động; 05 năm đối với Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, 06 năm đối với danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc, 03 năm đối với danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương và 02 năm đối với Bằng khen của Bộ trưởng, 01 năm đối với Chiến sỹ thi đua cơ sở và Giấy khen.

(2): Ghi rõ hình thức đề nghị khen thưởng.

(3): Đơn vị hành chính: xã (phường, thị trấn); huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh); tỉnh (thành phố trực thuộc trung ương).

(4): Nêu thành tích cá nhân trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao (kết quả đã đạt được về năng suất, chất lượng, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ; các biện pháp, giải pháp công tác trong việc đổi mới công tác quản lý, những sáng kiến kinh nghiệm, đề tài nghiên cứu khoa học; việc đổi mới công nghệ, ứng dụng khoa học, kỹ thuật vào thực tiễn; việc thực hiện chủ trương; đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; công tác bồi dưỡng, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, phẩm chất đạo đức; chăm lo đời sống cán bộ, nhân viên; vai trò của cá nhân trong công tác xây dựng Đảng và các đoàn thể; công tác tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện ...).

- Đối với cán bộ làm công tác quản lý nêu tóm tắt thành tích của đơn vị, riêng thủ trưởng đơn vị kinh doanh lập bảng thống kê so sánh các tiêu chí: giá trị tổng sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách, đầu tư tái sản xuất, thu nhập bình quân; các sang kiến cải tiến kỹ thuật, áp dụng khoa học (giá trị làm lợi); phúc lợi xã hội; thực hiện chính sách bảo hiểm đối với người lao động... việc thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước; đảm bảo môi trường, an toàn vệ sinh lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm (có trích lục và nội dung xác nhận của cơ quan có thẩm quyền).

- Đối với cơ quan quản lý nhà nước, lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trong quản lý nhà nước, thực hiện nhiệm vụ chuyên môn và công tác tham mưu cho lãnh đạo trong phát triển đơn vị, ngành, địa phương...

(5): Nếu các hình thức khen thưởng đã được Đảng, Nhà nước, Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tặng thưởng hoặc phong tặng (ghi rõ số quyết định, ngày, tháng, năm ký quyết định).

- Ghi rõ số quyết định công nhận danh hiệu thi đua trong 05 năm trước thời điểm đề nghị đối với Huân chương Lao động hạng ba và Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ vv....

+ Đối với đề nghị phong tặng danh hiệu "Chiến sỹ thi đua toàn quốc":

+ Ghi rõ số quyết định, ngày, tháng, năm ký quyết định của 02 lần liên tục được tặng danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cấp Bộ, ngành, tỉnh, thành phố thuộc Trung ương" và 06 lần đạt danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cơ sở" trước thời điểm đề nghị;

+ Ghi rõ nội dung các sáng kiến kinh nghiệm, giải pháp hữu ích trong quản lý, công tác hoặc đề tài nghiên cứu (tham gia là thành viên hoặc chủ nhiệm đề tài khoa học), có ý kiến xác nhận của Hội đồng sáng kiến, khoa học cấp Bộ, cấp tỉnh (ghi rõ văn bản, ngày, tháng, năm) hoặc phải có giấy chứng nhận của Hội đồng kèm theo hồ sơ.

+ Đối với báo cáo đề nghị phong tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cấp Bộ, ngành, tỉnh, thành phố thuộc Trung ương" ghi rõ thời gian 03 lần liên tục được tặng danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở" trước thời điểm đề nghị; các sáng kiến được cấp có thẩm quyền công nhận.

** Số lượng trang của báo cáo thành tích quy định như sau:*

a. Đối với đề nghị khen thưởng cấp Bộ: Từ 03-05 trang

b. Đối với đề nghị khen thưởng của Thủ tướng Chính phủ và Chủ tịch nước: Từ 05-10 trang

(6): Riêng đối với cá nhân các đơn vị thuộc Bộ đang công tác tại Văn phòng đại diện ở nước ngoài theo nhiệm kỳ phải có xác nhận của Lãnh đạo Đại sứ quán nơi cá nhân đang công tác.

Mẫu số 5

Báo cáo thành tích đề nghị tặng thưởng (hoặc truy tặng) huân chương cho cán bộ lãnh đạo có quá trình cống hiến qua các thời kỳ.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tỉnh (thành phố), ngày ... tháng ... năm 2012

BÁO CÁO THÀNH TÍCH ĐỀ NGHỊ TẶNG THƯỞNG (TRUY TẶNG) HUÂN CHƯƠNG ...[1]

I. SƠ YẾU LÝ LỊCH:

- Họ và tên (ghi đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt)
- Bí danh [2]: Giới tính: Nam, nữ:
- Ngày, tháng, năm sinh:
- Quê quán [3]:
- Nơi thường trú:
- Chức vụ, đơn vị công tác hiện nay (hoặc trước khi nghỉ hưu, từ trần):
- Chức vụ đề nghị khen thưởng (ghi chức vụ cao nhất đã đảm nhận):
- Ngày, tháng, năm tham gia công tác:
- Ngày, tháng, năm vào Đảng chính thức (hoặc ngày tham gia các đoàn thể):
- Năm nghỉ hưu (hoặc từ trần):

II. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

Nêu quá trình tham gia cách mạng, các chức vụ đã đảm nhận, thời gian giữ từng chức vụ từ khi tham gia công tác đến khi đề nghị khen thưởng và đánh giá tóm tắt thành tích quá trình công tác [4]

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức vụ (đảng, chính quyền, đoàn thể)	Đơn vị công tác	Số năm, tháng giữ chức vụ

III. CÁC HÌNH THỨC ĐÃ ĐƯỢC KHEN THƯỞNG:[5]

1. Danh hiệu thi đua:

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua, cơ quan ban hành quyết định

2. Hình thức khen thưởng:

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng, cơ quan ban hành quyết định

IV. KỶ LUẬT [6]

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ QUẢN LÝ CÁN BỘ XÁC NHẬN [7]
(Ký tên, đóng dấu)

NGƯỜI BÁO CÁO [8]
(ký, ghi rõ họ và tên)

XÁC NHẬN CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

**** Ghi chú:***

1. Ghi hình thức đề nghị khen thưởng.

2. Trường hợp có nhiều bí danh thì chỉ ghi bí danh thường dùng.

3. Đơn vị hành chính: xã (phường, thị trấn), huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh), tỉnh (thành phố trực thuộc trung ương) theo địa danh mới.

4. Nêu quá trình tham gia cách mạng, các chức vụ đã đảm nhận, thời gian giữ từng chức vụ từ khi tham gia công tác đến khi đề nghị khen thưởng. Đối với các trường hợp nghỉ hưu (hoặc từ trần) chưa được khen thưởng thì báo cáo quá trình công tác đến khi nghỉ hưu (hoặc từ trần).

5. Nêu rõ các hình thức khen thưởng (từ Bằng khen trở lên) đã được Đảng, Nhà nước, Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tặng thưởng hoặc phong tặng (ghi rõ số quyết định, ngày, tháng, năm ký quyết định).

6. Ghi rõ hình thức kỷ luật từ cảnh cáo trở lên từ khi công tác đến khi đề nghị khen thưởng (nếu có).

7. Đối với cán bộ đã nghỉ hưu, trước khi xác nhận cần xem xét việc chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước tại nơi cư trú.

Đối với cán hộ thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quản lý do Ban tổ chức tỉnh ủy hoặc thành ủy xác nhận.

8. Đối với cán bộ đã từ trần: Đơn vị quản lý cán bộ trước khi nghỉ hưu (hoặc từ trần) thì cơ quan quản lý cán bộ trước khi nghỉ hưu hoặc từ trần có trách nhiệm báo cáo, kê khai quá trình công tác (ghi rõ họ, tên, chức vụ người tóm tắt quá trình công tác).

**** Đối với các trường hợp đã nghỉ chế độ:** Yêu cầu phải có xác nhận của chính quyền địa phương nơi cư trú về việc chấp hành chủ trương, chính sách của đảng, pháp luật của Nhà nước.*

Mẫu số 6

Báo cáo thành tích đề nghị tặng thưởng Huân chương, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen cấp Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (cho tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc đột xuất).

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN **Đơn vị** ..... ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Tỉnh (thành phố), ngày ..... tháng ..... năm ...

BÁO CÁO THÀNH TÍCH
ĐỀ NGHỊ TẶNG THƯỞNG (TRUY TẶNG)...[1]
(Về thành tích xuất sắc đột xuất trong ...)

Tên đơn vị hoặc cá nhân, chức vụ và đơn vị đề nghị khen thưởng
(ghi rõ đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt)

I. SƠ LƯỢC ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

- Đối với đơn vị ghi sơ lược năm thành lập, cơ cấu tổ chức, tổng số cán bộ, công chức và viên chức.Chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Đối với cá nhân ghi rõ: họ và tên (bí danh), ngày tháng, năm sinh; quê quán; nơi thường trú; nghề nghiệp; chức vụ, đơn vị công tác ...

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

Báo cáo nêu ngắn, gọn nội dung thành tích xuất sắc đột xuất đã đạt được (trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu; phòng, chống tội phạm; phòng, chống bão lụt; phòng chống cháy, nổ; bảo vệ tài sản của nhà nước; bảo vệ tài sản, tính mạng của nhân dân ...)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ CẤP TRÊN TRỰC TIẾP NHẬN XÉT, XÁC NHẬN *(Ký tên, đóng dấu)*	**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ; (cá nhân) [2]** *(ký tên, đóng dấu)*

XÁC NHẬN CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
(ký, đóng dấu)

Ghi chú:
(1) Ghi hình thức đề nghị khen thưởng.
(2) Đối với cá nhân: ký và ghi rõ họ, tên và có xác nhận của thủ trưởng đơn vị.

Mẫu số 7

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN
Đơn vị:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tỉnh (thành phố), ngày ..... tháng ..... năm .....

BÁO CÁO TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC
Đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp ngành Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam"

I. Sơ lược tiểu sử bản thân:

- Họ và tên:.....Nam, nữ
- Ngày , tháng , năm sinh:.....Dân tộc:.....
- Đơn vị công tác:.....
- Nơi ở hiện nay:.....

II. Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ, nơi công tác	Số năm	Chi chú
Từ tháng/năm... đến tháng/năm....			

III. Khen thưởng: *(ghi rõ hình thức khen thưởng, số quyết định theo quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 21 Thông tư này)*

IV. Kỷ luật:

Xác nhận của thủ trưởng đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

Người viết báo cáo
(ký, ghi rõ họ tên)